SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 5764/2026 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
2	Địa chỉ	Xóm Hà Thượng, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Thực hiện quan trắc lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường bổ sung cho chương trình quan trắc đợt 3 năm 2026 của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
4	Kế hoạch	9.24.1
5	Loại mẫu	Khí thải
6	Ký hiệu mẫu	**KTOK-9.24.1-1**
7	Vị trí mẫu	Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than số 1
8	Tọa độ	X: 2394529 Y: 414451
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo MCRE-SOP-KT.49(PQT); US EPA method 1÷5
10	Ngày lấy mẫu	22/10/2026
11	Ngày phân tích	23/10/2026 đến 29/10/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả
1	Lưu lượng	US EPA method 2	m^3/phút	225
2	Bụi tổng	US EPA method 5	mg/Nm^3	34
3	CO	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm^3	8,38
4	NO_x	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm^3	43,28
5	SO_2	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm^3	459,71

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Đức Cường	Phạm Thị Thanh Thúy	Phạm Văn Đức

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích

- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp

- MCRE-SOP-KT: Quy trình nội bộ hướng dẫn quan trắc các thông số tại hiện trường

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn

Số 5763/2026 /QTTNMT-KQ VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
2	Địa chỉ	Xóm Hà Thượng, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Thực hiện quan trắc lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường bổ sung cho chương trình quan trắc đợt 3 năm 2026 của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
4	Kế hoạch	9.24.1
5	Loại mẫu	Khí thải
6	Ký hiệu mẫu	**KTOK-9.24.1-2**
7	Vị trí mẫu	Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than số 2
8	Tọa độ	X: 2394525 Y: 414445
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo MCRE-SOP-KT.49(PQT); US EPA method 1÷5
10	Ngày lấy mẫu	22/10/2026
11	Ngày phân tích	23/10/2026 đến 29/10/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả
1	Lưu lượng	US EPA method 2	m^3/phút	151
2	Bụi tổng	US EPA method 5	mg/Nm^3	35
3	CO	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm^3	63,8
4	NO_x	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm^3	33,2
5	SO_2	MCRE-SOP-KT.49(PQT)	mg/Nm^3	546,72

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH	PHỤ TRÁCH QA/QC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Đức Cường	Phạm Thị Thanh Thúy	Phạm Văn Đức

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN – TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Ghi chú:

- *Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích*
- *Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp*
- *MCRE-SOP-KT: Quy trình nội bộ hướng dẫn quan trắc các thông số tại hiện trường*